

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai Quyết toán ngân sách năm 2025 của
Trường THPT Hiệp Hòa số 4**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT HIỆP HÒA SỐ 4

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của nghị định số 73/2026/nđ-cp ngày 10 tháng 3 năm 2026 của chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông báo số 51/TB-SGD&ĐT ngày 23/3/2026 về việc xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2025, đơn vị được thông báo: Trường THPT Hiệp Hòa số 4.

Xét đề nghị của kế toán nhà trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2025 của Trường THPT Hiệp Hòa số 4 (theo các biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế quyết định số 50/QĐ-THPTHH4 ngày 01/04/2026.

Điều 3. Tổ văn phòng, các tổ chuyên môn có liên quan căn cứ Quyết định thực hiện ./.

Nơi nhận:

- Tổ VP và các tổ CM
- Lưu :VT.



QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo QĐ số 50a/QĐ-THPTHH4 ngày 01/4/2026 của Hiệu trưởng Trường THPT Hiệp Hòa số 4)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5=4-3	6
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách các khoản thu				
I	Số thu	2.591.309.993	2.591.309.993	0	
1	Thu học phí (bao gồm cả KP cấp bù miễn giảm học phí, cấp hỗ trợ Học phí)	1.011.842.000	1.011.842.000	0	
2	Thu Gửi xe	302.572.200	302.572.200	0	
3	Thu học thêm	997.932.000	997.932.000	0	
4	Cho thuê Tài sản	34.200.000	34.200.000	0	
5	Giá Dịch vụ tuyển sinh lớp 10	116.127.000	116.127.000	0	
6	Rèn kỹ năng làm bài	127.460.000	127.460.000	0	
7	Lãi tiền gửi	1.115.760	1.115.760	0	
8	Hoa hồng thu BHYT	61.033	61.033	0	
II	Chi từ nguồn thu để lại	2.045.468.633	2.045.468.633	0	
1	Thu học phí (bao gồm cả KP cấp bù miễn giảm học phí, cấp hỗ trợ Học phí)	466.945.900	466.945.900	0	
2	Thu Gửi xe	302.572.200	302.572.200	0	
3	Thu học thêm	997.932.000	997.932.000	0	
4	Cho thuê Tài sản	34.200.000	34.200.000	0	
5	Giá Dịch vụ tuyển sinh lớp 10	116.127.000	116.127.000	0	
6	Rèn kỹ năng làm bài	127.460.000	127.460.000	0	
7	Lãi tiền gửi	170.500	170.500	0	
8	Hoa hồng thu BHYT	61.033	61.033	0	
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước				
1	Nguồn ngân sách nhà nước giao	20.030.215.200	20.030.215.200		
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	17.038.227.700	17.038.227.700	0	
1.2	KP không giao thực hiện chế độ tự chủ	2.991.987.500	2.991.987.500	0	
2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	19.544.438.300	19.544.438.300	0	
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	16.576.307.800	16.576.307.800	0	
3.2	KP thường xuyên không giao tự chủ	2.968.130.500	2.968.130.500	0	

Hoàng Văn, ngày 01 tháng 04 năm 2026

